

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 187/2024/DS-ST
Ngày: 30 - 9 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Phương Tùng.
- Bà Võ Thị Thanh Phương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Khuru Huỳnh Mỹ Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Kim Thoa, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 458/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 432B/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 279/2024/QĐST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn M; địa chỉ trụ sở: lầu 5, khối E, Tòa nhà C, số B C, phường A, Quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Hà Phương Hồng T, chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 2001 (giấy ủy quyền số 10149A/2024/CĐ.AG-/GalaxyDT ngày 24/7/2024).

Bị đơn: Ông Phạm Văn T2, sinh năm 1997; địa chỉ: Số E, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Thị Thu T1, vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt); ông Phạm Văn T2 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 11/02/2019, ông Phạm Văn T2, có ký Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20190211-7925586 với Công ty M (V) để vay số tiền 21.000.000 đồng; lãi suất vay: 68%/năm; thời hạn vay vốn: 15 tháng; mục đích vay mua xe hai bánh. Khi vay, ông T2 có ký hợp đồng thế chấp nhằm bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, tài sản thế chấp là xe máy nhãn hiệu YAMAHA, biển kiểm soát 67E1-362.31, số khung: RLCUE3220JY085406.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T2 đã trả được số tiền 20.968.429 đồng, kể từ ngày 17/01/2021 đến nay ông T2 không thực hiện đúng cam kết về việc trả nợ gốc, lãi và các phí khác mặc dù đã được nhắc nhở nhiều lần.

Ngày 29/03/2021, khoản nợ của ông T2 được Công ty M (gọi tắt là VPB FC) chuyển nhượng cho Công ty TNHH M theo hợp đồng mua bán nợ số VPBFC-GALAXY-21-0003. Do đó, Công ty Trách nhiệm hữu hạn M khởi kiện yêu cầu ông T2 phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc còn lại là 8.466.745 đồng.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20190211-7925586 ngày 11/02/2019; Hợp đồng mua bán nợ số VPBFC-GALAXY-21-0003; Biên bản xác nhận khoản nợ đã được mua bán và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Ngày 23/9/2024, đại diện Công ty TNHH M có Đơn trình bày ý kiến, yêu cầu ông Phạm Văn T2 trả số tiền nợ gốc 8.466.745 đồng, không yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp tài sản và các chi phí phát sinh.

Bị đơn ông Phạm Văn T2 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến, không tiến hành mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nên đảm bảo được quyền, nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn vắng mặt và có yêu cầu vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử

vắng mặt là đúng quy định theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng, Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20190211-7925586 ngày 11/02/2019 giữa ông T2 với Công ty M được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có lập hợp đồng, phù hợp quy định pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Đối với việc Công ty M có thỏa thuận chuyển giao quyền yêu cầu đối với khoản nợ của ông T2 sang cho Công ty TNHH M mua bán nợ Galaxy là phù hợp quy định pháp luật, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T2. Quá trình thực hiện hợp đồng vay ông T2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty TNHH M, nên Công ty TNHH M khởi kiện yêu cầu ông T2 trả một lần số tiền vốn gốc còn nợ 8.466.745 đồng là có căn cứ, không yêu cầu trả lãi là có lợi cho bị đơn nên ghi nhận.

Đối với việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn trả các chi phí phát sinh và duy trì hợp đồng thế chấp tài sản là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật, căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ một phần yêu cầu của Công ty TNHH M.

Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; các Điều 365, 450, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với ông T2 về yêu cầu trả các chi phí phát sinh và duy trì hợp đồng thế chấp tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

** Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty TNHH M khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ vay nên đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn thành phố C nên yêu cầu kiện của Công ty TNHH M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Đại diện nguyên đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và bị đơn.

** Về nội dung:*

[3] Về hợp đồng tín dụng:

Xét Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20190211-7925586 ngày 11/02/2019 giữa Công ty M và ông Phạm Văn T2 được ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T2 thanh toán cho Công ty M được số tiền 20.968.429 đồng và ngưng trả từ ngày 17/01/2021 cho đến nay do ông T2 không thực hiện việc trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là vi phạm nghĩa vụ của bên vay.

Ngày 29/3/2021, Công ty M đã bán khoản nợ vay của ông T2 cho Công ty TNHH M theo hợp đồng mua bán nợ số VPBFC-GALAXY-21-0003, với số dư nợ gốc là 8.466.745 đồng nên công ty TNHH M có quyền yêu cầu ông T2 thanh toán nợ theo hợp đồng vay.

Do đó, việc Công ty M khởi kiện yêu cầu ông T2 trả vốn gốc còn lại 8.466.745 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 365, Điều 450, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 100 và Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

Buộc ông Phạm Văn T2 trả cho Công ty M nợ Galaxy vốn gốc còn lại là 8.466.745 đồng.

Nếu quá hạn thỏa thuận hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Xét rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 23/9/2024, nguyên đơn Công ty TNHH M có đơn trình bày, xác định chỉ yêu cầu ông T2 trả số tiền nợ gốc 8.466.745 đồng, không yêu cầu ông T2 trả các chi phí phát sinh và duy trì Hợp đồng thế chấp tài sản. Yêu cầu này phù hợp theo phạm vi khởi kiện, nên có cơ sở đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Văn T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn M.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn M số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 365, 450, 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 100 và 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024; các Điều 244, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn M.

Buộc ông Phạm Văn T2 trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn M số tiền nợ gốc còn lại **8.466.745** (*tám triệu, bốn trăm sáu mươi sáu nghìn, bảy trăm bốn mươi lăm*) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn M đối với bị đơn ông Phạm Văn T2 về việc yêu cầu trả các chi phí phát sinh và duy trì Hợp đồng thế chấp tài sản.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Văn T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 423.000 (*bốn trăm hai mươi ba nghìn*) đồng.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn M số tiền tạm ứng án phí đã nộp 349.000 (*ba trăm bốn mươi chín nghìn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0003849 ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Công ty Trách nhiệm hữu hạn M, ông Phạm Văn T2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu văn phòng (1).

Lâm Ngọc Phụng